

Part 2 – Volume 2

Phần 2 – Quyển 2

Các Cặp Nguyên lý Hình thành

Các Nguyên lý Tương đối – Tuyệt đối là nền tảng căn bản của các Nguyên lý Hình thành và cũng là nền tảng căn bản của Tam Nguyên Luận.

Các Nguyên lý Hình thành lột tả được bản chất hình thành của Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội trên cũng những Nguyên tắc thống nhất và có tính phổ biến:

1. Cặp Nguyên lý Sinh Khôi – Huỷ khối

1.1. Nguyên lý Sinh Khôi

Như đã được trình bày ở Phần 1 – Quyển 2, Nguyên lý Sinh Khôi được phát triển trên cơ sở của Hiệu ứng Sinh Khôi.

Trước hết, để hiểu rõ khái niệm về Hiệu ứng Sinh Khôi, cần phải xác định rõ khái niệm về ‘Khôi’ như sau:

Định nghĩa

‘Khôi’ được hiểu là Khối lượng hoặc Trọng khối của các Lượng tử: Khối lượng theo nghĩa Hán – Việt là từ ghép bởi Khôi và Lượng. Khôi là Thể khối hoặc Thể tích, Lượng là số lượng hoặc Lượng tử. Điều đó có nghĩa là Khối lượng có mối liên quan chặt chẽ giữa số Lượng tử và Thể khối mà các Lượng tử chiếm hữu.

Theo các Nguyên lý Vận động ở Phần 4 – Quyển 2 sẽ chứng minh rằng Khối lượng của các Vật thể tồn tại tự do trong Vũ trụ luôn phụ thuộc vào số lượng các Lượng tử cấu thành nó và Thể tích Vũ trụ mà nó chiếm.

Thật vậy, số lượng Lượng tử gây nên Khối lượng của Vật là điều không thể chối cãi bởi vì các Lượng tử bất kỳ đều có thể chiếm hữu một Trọng khối xác định của Vũ trụ.

Nhưng đối với Thể tích thì chỉ là không gian thuần túy thì nó ảnh hưởng gì đến Khối lượng của Vật?

Đó chính là mối liên hệ hết sức phức tạp giữa Khối lượng và Không gian thông qua sự chuyển động của Thực thể trong Vũ trụ: Hoàn toàn có thể chứng minh được rằng nếu Không gian Vũ trụ càng lớn thì Vận tốc chuyển động của Vũ trụ cũng càng tăng (khiến cho mọi Lượng tử đều chuyển động nhanh hơn) mà theo Einstein thì khi Vận tốc chuyển động tăng lên nó sẽ kéo theo làm cho Khối lượng của Vật cũng tăng theo.

Đó chính là điều phải chứng minh. Có nghĩa là Khối lượng của Vật bất kỳ vừa phụ thuộc vào số lượng các Lượng tử tham gia trong Tập hợp của

nó và phụ thuộc vào Không gian của Vũ trụ mà nó chiếm giữ: Lượng tử càng nhiều và Thể khối càng lớn thì Khối lượng của Vật cũng càng lớn.

Để khẳng định thêm mối liên hệ giữa Lượng tử và Khối lượng, Tam Nguyên Luận phát biểu nội dung định luật dưới đây:

Định luật thứ mười ba: Một Lượng tử bất kỳ có thể tồn tại trong Vũ trụ luôn chiếm giữ một Trọng khối xác định của Vũ trụ.

Lượng tử chiếm giữ Trọng khối có nghĩa là nó chỉ chiếm mất một Khối lượng xác định của Vũ trụ nhưng chưa hẳn Lượng tử đó đã có Khối lượng. Ví dụ, các Neutrino luôn chiếm một phần Khối lượng của các Hạt trong các Phản ứng Phân rã Hạt nhưng bản thân nó không có Khối lượng.

Tương tự, các Photon tuy rằng không có Khối lượng nhưng nó vẫn chiếm giữ một phần Khối lượng xác định của Vũ trụ được qui đổi thành Năng lượng tương ứng của Photon.

Trên cơ sở đó, có thể khẳng định rằng ở đâu sinh ra Lượng tử thì ở đó sinh ra Khối lượng và ở đâu sinh ra Không gian (Thể tích) thì cũng đồng nghĩa với ở đó phải sinh ra thêm Khối lượng. Vì thế, Hiệu ứng Sinh Khối được trình bày như dưới đây:

▪ **Hiệu ứng Sinh Khối**

Hiệu ứng Sinh Khối có hai quá trình bao gồm Quá trình Sinh mới Khối lượng và Quá trình Sinh thêm Khối lượng:

○ *Quá trình Sinh thêm Khối lượng*

Hiệu ứng Sinh Khối là hiện tượng sinh ra thêm Khối lượng thông qua sự tăng trưởng các Giá trị Tuyệt đối của các Lượng tử do Quá trình Bán rã Lượng tử tạo ra như đã được trình bày ở Mục 2.1 – Phần 1 – Quyển 2. Dưới đây chỉ nhắc lại và bổ sung thêm:

Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn được tồn tại bởi sự kết hợp và thống nhất giữa các Giá trị Tuyệt đối và Tương đối của các Lượng tử trong Chuỗi Lượng tử Vô hạn. Sự đối lập nhau về Giá trị Tuyệt đối giúp chúng luôn cân bằng về Giá trị ban đầu của chúng như dưới đây:

$$U \neq 0$$

$$\Rightarrow U = \text{Over}U + \text{Minus}U$$

Từ các Lượng tử ban đầu, thông qua Quá trình Bán rã, các Cặp Lượng tử mới đối lập nhau sẽ được sinh ra.

Xét về Tổng các Giá trị Tuyệt đối thì vì chúng luôn đối lập nhau nên chúng luôn triệt tiêu nhau mà làm cho Giá trị ban đầu luôn được giữ nguyên. Nhờ vậy mà Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn được cân bằng.

Nhưng xét về Tổng các Giá trị Tương đối là các Giá trị luôn tồn tại hiện hữu thì chúng luôn lớn hơn Giá trị ban đầu tạo nên sự tăng trưởng không ngừng qua các Chu kỳ Bán rã Lượng tử như dưới đây:

$$U_R = |\text{OverU}| + |\text{MinusU}|$$

U_R là Giá trị Tương đối (hay còn gọi là Giá trị Thực tức là các Giá trị tồn tại thực tế của Vũ trụ hoặc của các Lượng tử đang xét), OverU và MinusU là các Giá trị được sinh ra do sự bán rã của U thông qua hệ thức dưới đây:

$$U \stackrel{\text{Bán rã}}{=} \text{OverU} + \text{MinusU}$$

$$\text{Trong đó, } U \leq \text{OverU} \leq 3U/2, \frac{1}{2}U \leq |\text{MinusU}| \leq U$$

Thật vậy, hãy lấy ví dụ cụ thể về Cặp được tạo bởi Electron e^- và Phản hạt của nó là Positron e^+ thì Tổng giá trị Tuyệt đối của chúng luôn bằng Không (vì chúng có thể triệt tiêu nhau hoàn toàn do Hiệu ứng Huỷ Cặp) theo hệ thức xác định điện lượng giữa chúng như sau:

$$Q = Q^- + Q^+ = 0$$

Trong đó, Q^- là điện lượng của Electron và Q^+ là điện lượng của Positron.

Nhưng chúng vẫn có thể tồn tại với Khối lượng có thể có của chúng được xác định bởi các Giá trị Tương đối như sau:

$$m_\gamma = m_{e^-} + m_{e^+}$$

Trong đó, m_γ là Khối lượng tương đương của Photon (thực ra Photon không có Khối lượng mà chỉ có Năng lượng được xác định bởi Hệ thức của Einstein), m_{e^-} là Khối lượng của Electron, m_{e^+} là Khối lượng của Positron.

Từ đó cho thấy rằng, các Lượng tử được tồn tại nhờ vào sự hiện hữu của các Giá trị Tương đối giữa chúng. Các Giá trị Tương đối được qui đổi đồng nhất thành một Đại lượng ‘Trung tính’ không Âm và cũng không Dương (Khối lượng hoặc Năng lượng được coi là Trung tính và cũng được gọi là các Giá trị Tương đối của Vật chất và Lượng tử nói chung...).

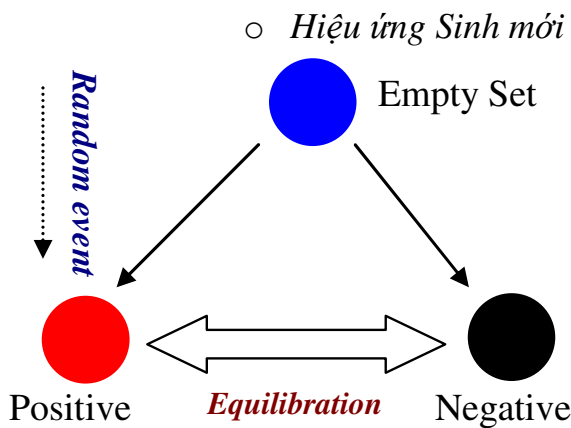
Hiện tượng nói trên được gọi là Hiệu ứng Sinh thêm Khối lượng của Hiệu ứng Sinh Khối.

Có nghĩa rằng Hiệu ứng Sinh Khối là hiện tượng tồn tại của các Giá trị Tương đối của các Lượng tử và trở thành các Giá trị thực của Vũ trụ: Hiệu ứng Sinh Khối được phát biểu tổng quát như hệ thức dưới đây:

$$U_R = |\text{OverU}| + |\text{MinusU}|$$

U_R được gọi là Giá trị Thực của Lượng tử tức là Giá trị có thể tồn tại của các Lượng tử.

Giá trị Thực của Vũ trụ lớn hơn Giá trị Tuyệt đối của Vũ trụ: Theo định nghĩa ở Mục 1 – Phần 1 – Quyển 2, Giá trị Tuyệt đối của Vũ trụ luôn bằng Không Điều đó có nghĩa là điều kiện ban đầu của Vũ trụ là ‘Tất cả phải bằng Không’. Đó chính là điều kiện cân bằng Tuyệt đối.



Vì Vũ trụ ban đầu bằng Không nên nếu vì một lý do nào đó có thể khiến cho Vũ trụ có thể sinh ra một Thực thể bất kỳ nào đó trong Vũ trụ thì Thực thể này cũng phải có các Giá trị đúng bằng Không theo hệ thức tổng quát như sau:

$$U = U_1 + U_2 + \dots + U_n = 0$$

$$\Rightarrow U_1 = U_2 = \dots = U_n = 0$$

Làm thế nào để các Giá trị của các Thực thể luôn đúng bằng Không?

Đó chính là nhờ vào Hiệu ứng Sinh Cặp: Để mọi Giá trị của Thực thể luôn đúng bằng Không như điều kiện ban đầu của Vũ trụ thì Vũ trụ phải sinh ra một Cặp gồm hai Thể được gọi là Bi – Opposite hay là Lưỡng Nghi:

Trong đó, một thể được gọi là P (Positive hay còn gọi là Yang và cũng còn được gọi là Dương) và một Thể được gọi là N (Negative hay còn được gọi là Yin và cũng còn được gọi là Âm) có giá trị bằng nhau tuyệt đối nhưng đối lập nhau về Thuộc tính (đối lập nhau về dấu) sao cho tổng giá trị của chung luôn đúng bằng Không như sau:

$$U = \emptyset \Leftrightarrow U = 0$$

$$\Rightarrow U = P + N = 0$$

$$\Rightarrow P = -N$$

Hiện tượng này được gọi là Hiệu ứng Sinh Cặp, là một trong những hiện tượng xảy ra rất phổ biến trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội... trên cơ sở của Cặp Lượng tử mới được sinh ra, Giá trị Thực của Vũ trụ được sinh mới qua hệ thức dưới đây:

$$U_R = |P| + |N|$$

$$= 2P = 2|N|$$

Như vậy, Giá trị sinh mới của Vũ trụ có thể được tăng một cách đột biến, bất xác định!?!.

Thế nhưng, Tam Nguyên Luận đã chứng minh rằng, Giá trị ban đầu của Vũ trụ được sinh ra không phải đột biến mà chỉ là một Giá trị vô cùng nhỏ. Qua một quá trình phát triển tăng trưởng lâu dài và bền bỉ mới có thể đạt được như bây giờ.

Thật vậy, để Vũ trụ có thể tồn tại được thì Hiệu ứng Sinh Cặp không thể sinh ra cùng lúc hai Lượng tử đối lập nhau mà phải sinh ra trước sau nhau để tạo ra Cặp Lượng tử Đối lập nhưng khác nhau về Giá trị Tuyệt đối:

Hãy giả sử rằng, nếu Cặp Lượng tử Đối lập được sinh ra cùng lúc thì chúng phải bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối nên như đã lý luận ở Phần 1 thì chúng sẽ dễ dàng triệt tiêu nhau một cách tuyệt đối khiến cho Vũ trụ không thể tồn tại.

Ngược lại, nếu các Lượng tử được sinh ra trước sau nhau thì Giá trị Tuyệt đối của chúng sẽ khác nhau và vì thế các Lượng tử không thể triệt tiêu nhau mà nhờ đó Vũ trụ mới có thể tồn tại.

Lúc bấy giờ, vì chỉ có một Lượng tử Q_P sinh ra trước cho nên trong trường hợp này, Giá trị của Lượng tử này không thể được sinh ra một cách đột biến mà phải được tăng dần, vì nếu được sinh ra đột biến thì nó sẽ gây ra một tác động mất cân bằng đột ngột cho Vũ trụ khiến cho Vũ trụ phải tác động ngược lại để chống lại sự sinh ra của Q_P . Nếu Q_P càng lớn thì sự chống lại của Vũ trụ càng mạnh làm cho Q_P chỉ có thể tăng dần để tạo sự ‘thích nghi’ dần với tương tác của Vũ trụ.

Nhưng khi Q_P tăng đến một Giới hạn xác định thì Vũ trụ sẽ phải tác động cực mạnh để triệt tiêu sự tồn tại của Q_P . Lúc bấy giờ, thay vì sự triệt tiêu của Q_P thì Vũ trụ và Q_P phải sinh ra một Q_N để có thể trung hoà Q_P nhằm loại bỏ Q_P khỏi Vũ trụ như đã từng được lý luận. Điều đó có nghĩa là Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội không thể sinh ra một cách đột biến mà phải được tăng trưởng dần dần từ bé đến lớn.

Đó chính là điều cần phải chứng minh. Một mặt khác, Hiệu ứng Sinh Khối là một trường hợp riêng của Hiệu ứng Sinh Cặp. Hay nói cách khác, Hiệu ứng Sinh Khối tạo ra các Giá trị cho Quá trình Sinh Cặp của Hiệu ứng Sinh Cặp (vì Hiệu ứng Sinh Cặp phải xảy ra qua hai giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất sinh ra Lượng tử ban đầu Q_P và Giai đoạn thứ hai sẽ sinh ra Lượng tử đối lập với Lượng tử ban đầu là Q_N).

Trên cơ sở đó, Tam Nguyên Luận rút ra Định luật thứ mười bốn cho Nguyên lý Tuyệt đối như sau:

Định luật thứ mười bốn: Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội không thể được sinh ra một cách đột biến.

Bên cạnh đó, như trên đã nêu, luôn tồn tại một Giới hạn xác định Ngưỡng tăng trưởng của Hiệu ứng Sinh Khối và được xác định bởi định luật thứ mười lăm dưới đây:

Định luật thứ mười lăm: Luôn tồn tại Ngưỡng Giới hạn cho sự tăng trưởng Lượng tử bởi Hiệu ứng Sinh Khối.

Ngưỡng này được gọi là Ngưỡng Giới hạn Sinh Khối, nhờ đó mà nó hạn chế sự tăng trưởng đột biến của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội. Định luật này khẳng định cho sự đúng đắn của định luật thứ mười bốn nói trên.

Ngoài ra, Hiệu ứng Sinh Khối còn có một trường hợp riêng nữa là trường hợp Gia tăng Khối lượng do tốc độ chuyển động gây ra như Eistein đã chứng minh: Nếu vận tốc chuyển động càng lớn thì Khối lượng của Vật sẽ càng tăng lên. Điều này sẽ được lý giải và chứng minh ở Phần 4 – Quyển 2 – Các Nguyên lý Vận động.

1.2. Nguyên lý Huỷ Khối

▪ Hiệu ứng Huỷ Khối

Tam Nguyên Luận hoàn toàn có thể chứng minh được rằng Vũ trụ liên tục phát triển nên Khối lượng cũng như mọi Giá trị khác của Vũ trụ đều gia tăng. Mặc dù vậy, sự tăng trưởng Khối lượng của Vũ trụ vẫn không theo kịp sự tăng trưởng của Kích thước Vũ trụ.

Thật vậy, Tam Nguyên Luận xác định được rằng sau mỗi Chu kỳ Bán rã thì Khối lượng Vũ trụ và Bán kính Vũ trụ đều tăng lên gấp đôi so với trước đó.

Trên cơ sở đó, nếu xét về mặt Thể tích thì Vũ trụ tăng lên gấp tám lần (vì Thể tích của Vũ trụ được xác định theo R^3) nên Tỷ trọng của Vũ trụ bị suy giảm bốn lần so với Chu kỳ trước đó.

Điều đó có nghĩa là Vũ trụ bị rỗng dần đi sau mỗi Chu kỳ Bán rã. Hoàn toàn có thể lý giải được điều này thông qua các quá trình Bán rã Cấu trúc Vật chất của các Thiên thể: Trái đất cũng như các Thiên thể được cấu tạo từ các Nguyên tố Hoá học.

Để chứng minh rằng, thuở Trái đất và các Thiên thể còn rất trẻ thì tỷ lệ các Nguyên tố nặng trong thành phần cấu trúc Thiên thể rất nhiều: Quá trình tồn tại và phát triển của các Thiên thể được tạo ra nhờ Quá trình Bán rã liên tục và bền bỉ của các Nguyên tố nặng để trở thành các Nguyên tố nhẹ.

Các Nguyên tố nhẹ vì có tỷ trọng bé hơn so với các Nguyên tố nặng nên chúng làm cho các Thiên thể tăng trưởng kích thước không ngừng. Như vậy, điều này cho thấy rằng sự phân rã của các Nguyên tố nặng đã làm cho mọi Thiên thể cũng như Vũ trụ tăng trưởng thì mặt khác lại làm cho tỷ trọng của các Thiên thể cũng như của Vũ trụ bị suy giảm đi.

Sự suy giảm tỷ trọng của Vũ trụ, như trên đã nói, đã làm cho Vũ trụ bị rỗng dần theo hệ thức dưới đây:

$$D = m/V$$

Trong đó, $m = m_0 \cdot 2^n$ là Khối lượng của Vũ trụ, tăng gấp đôi sau mỗi Chu kỳ Bán rã n . $V = 4 \cdot \pi \cdot R^3 / 3$ với $R = R_0 \cdot 2^n$

Hệ thức trên có thể được viết lại như sau:

$$D = 3 \cdot m_0 \cdot 2^n / 4\pi \cdot (R_0 \cdot 2^n)^3 = 3 \cdot m_0 / 4\pi \cdot R_0^3 \cdot 2^{2n}$$

Để thấy rằng, khi $n \rightarrow \infty$ thì $D \rightarrow 0$ tức là Quá trình Bán rã của Vũ trụ sẽ làm cho Tỷ trọng của Vũ trụ giảm dần cho đến khi bằng Không, lúc đó Vũ trụ quay trở về như trạng thái ban đầu của nó là một Tập Rỗng ($D = 0$).

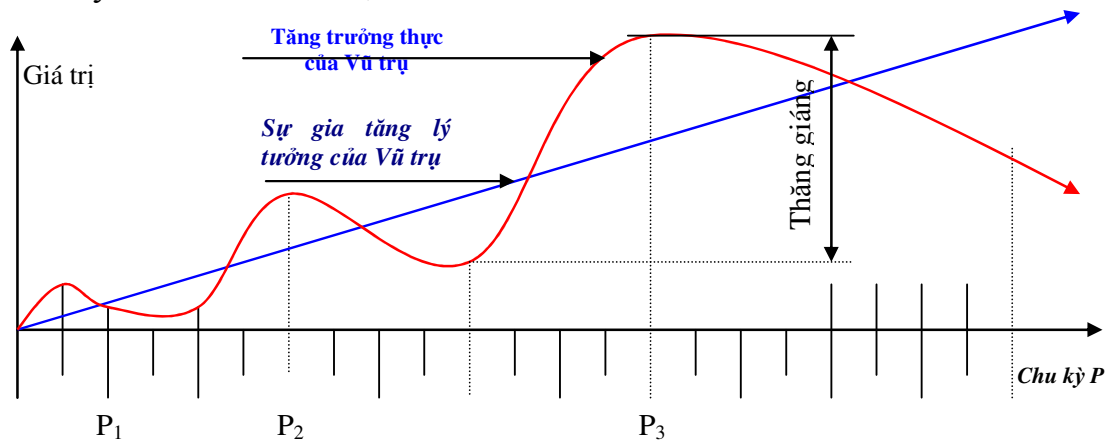
Mặt khác, sự Bán rã các Nguyên tố nặng thành các Nguyên tố nhẹ cũng sẽ làm cho các Thiên thể trở nên già đi: Có thể lấy Tỷ trọng Vật chất của các Thiên thể cũng như Tỷ lệ Nguyên tố nặng trong Cấu trúc Vật chất của các Thiên thể để có thể làm tiêu chí cho việc đánh giá tuổi thọ của các Thiên thể nói riêng và Vũ trụ nói chung.

Nếu Tỷ trọng càng bé tức là Thiên thể đã càng trở nên già cỗi. Sự già cỗi của Thiên thể sẽ làm cho nó nghèo sự sống: Vật chất của Thiên thể chủ yếu là các Nguyên tố nhẹ và hợp chất của chúng chủ yếu như Silicat (cát), đá vôi, sa khoáng... không đủ dinh dưỡng cho sự sống của các Giới Thực vật và vì vậy sự sống của các Giới Động vật càng bị đe dọa kéo theo sự sống của con người cũng vô cùng nguy nan.

Những hiện tượng và biểu hiện nói trên chính là Hiệu ứng Huỷ Khối. Hiệu ứng Huỷ Khối sinh ra do Quá trình Bán rã của Vũ trụ (để làm cho Vũ trụ phát triển và tăng trưởng về mặt kích thước) đã làm cho Cấu trúc Vật chất của nó trở nên rộng dần và cho đến lúc bị ‘thoát biến’.

Tam Nguyên Luận rút ra định luật thứ sáu như sau:

Định luật thứ mười sáu: Tuổi thọ của Vũ trụ giảm đi bốn lần sau mỗi Chu kỳ Bán rã của Vũ trụ.



May mắn thay, điều thần diệu cứu nguy cho Vũ trụ cũng như cho Loài người duy nhất trên Trái đất (chưa có dấu hiệu nào chứng minh được có sự sống ngoài Trái đất đang tồn tại, điều đó đang khẳng định sự sống trên Trái đất là duy nhất) là sau mỗi Chu kỳ Bán rã của Vũ trụ thì Chu kỳ của nó lại giãn dài ra gấp đôi nên thời gian tồn tại của Vũ trụ được kéo dài thêm: Loài người ‘khắc khoải’ đến với ngày Tuyệt thế lâu hơn.

Hơn nữa, nhờ Hiệu ứng Sinh Khôi mà Khôi lượng Vũ trụ cũng như của các Thiên thể vẫn được gia tăng thêm thường xuyên để giúp cho Vũ trụ cũng như các Thiên thể chống chọi được với sự nghiệt ngã của Hiệu ứng Huỷ Khôi đang làm cho Vũ trụ cùng các Thiên thể đi dần đến bờ diệt vong.

2. Cặp Nguyên lý Sinh Cặp – Huỷ Cặp

Nhờ Quá trình Bán rã như vừa được trình bày trên đây mà Vũ trụ luôn phát triển và tăng trưởng gấp đôi sau mỗi Chu kỳ Bán rã của nó: Lượng tử bất kỳ có thể Bán rã thì Cặp Lượng tử Đối lập theo cơ chế bán rã mà hình thành Hiệu ứng Sinh Cặp.

2.1. Nguyên lý Sinh Cặp

▪ Hiệu ứng Sinh Cặp

Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội luôn phát triển theo Nguyên lý Nhân đôi số lượng Lượng tử và Giá trị Lượng tử của chúng.

Thật vậy, nếu Giá trị ban đầu của Lượng tử khác Không thì nó luôn có thể tạo thành một cặp Lượng tử đối lập nhau theo hệ thức dưới đây:

$$U \neq 0$$

$$\Rightarrow U = \text{Over}U + \text{Minus}U$$

Trong đó, OverU có giá trị lớn hơn Giá trị ban đầu của U được gọi là Thái Lượng tử (Thái Vũ trụ), MinusU có giá trị Âm bé hơn giá trị ban đầu của U được gọi là Thiếu Lượng tử (Thiếu Vũ trụ):

OverU và MinusU luôn đối lập và có xu hướng triệt tiêu lẫn nhau để hợp nhất trở lại thành U ban đầu.

Trong trường hợp, nếu Giá trị ban đầu của Lượng tử đúng bằng Không thì nó cũng có thể ‘bán rã’ bởi Nguyên lý Tuyệt đối theo hệ thức dưới đây:

$$U = 0$$

$$\Rightarrow U = U_P + U_N$$

Trong đó, U_P là Lượng tử Dương (Nghị Dương) và U_N là Lượng tử Âm (Nghị Âm).

Trong trường hợp này U_P và U_N cũng luôn có xu hướng triệt tiêu lẫn nhau để có thể hợp nhất thành U bằng Không ban đầu. Thực chất, trường hợp này cũng chỉ là một trường hợp riêng của trường hợp nói trên mà thôi.

▪ Hiệu ứng Nhân đôi

Theo trên, Hiệu ứng Nhân đôi được hình thành do sự bán rã của các Lượng tử trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội: Trước hết, số Lượng tử tăng lên gấp đôi và sau đó các Giá trị tồn tại của các Lượng tử cũng tăng lên gấp đôi.

Thật vậy, Hiệu ứng Nhân đôi có thể được diễn đạt bởi các hệ thức dưới đây:

$$U = U_0 \text{ (Vũ trụ được xác định bởi } U_0 \text{ bất kỳ)}$$

$$U = \text{Over}U + \text{Minus}U \text{ (Lượng tử tăng gấp đôi);}$$

Trên đây là các hệ thức diễn đạt sự tăng gấp đôi số Lượng tử.

Ngoài ra, theo Nguyên lý Lượng tử hoá (sẽ được trình bày sau), các Giá trị của các Lượng tử sẽ lần lượt được xác định bởi các hệ thức dưới đây:

$$U = U \pm L$$

$$\text{Với } L \leq U/2$$

Nếu Giá trị của U được gia tăng thêm một lượng L thì nó sẽ trở thành Thái Vũ trụ (Thái Lượng tử) như sau:

$$\text{Over}U = U + L \approx 3U/2$$

Đây chính là một trong những ý của *Nguyên lý Tam Thiên – Lưỡng Địa* của Dịch học: Nguyên lý này cho rằng “Thiên ứng với 3 và Địa ứng với 2” để tạo thành tỷ số 3/2 xác định Ngưỡng trên của Lượng tử.

Mặt khác, “Tam Thiên – Lưỡng Địa” còn có một ý nghĩa khác như đã từng trình bày ở Cặp Nguyên lý Tam phân – Tam hợp ở Phần 1 – Quyển 2: Vũ trụ có thể được qui thành 3 Tập hợp gồm P, N và ξ để tạo thành Tổng số Tập Lượng tử là 3 ứng với “Thiên” nhưng số Tập Lượng tử thực có thể có chỉ là 2 (chỉ gồm P và N) ứng với “Địa”, “Tam Thiên – Lưỡng Địa” thực chất là Nguyên lý có tính trừu tượng và có nhiều ý nghĩa rất thâm sâu.

Theo trên, Giá trị của OverU được xác định trong miền tăng trưởng Giá trị của U như sau:

$$\text{Over}U = U \rightarrow 3U/2$$

OverU được coi là Dương so với U và so với MinusU.

Ngược lại, nếu U bị suy giảm đi một lượng là L thì nó sẽ trở thành Thiếu Vũ trụ (Thiếu Lượng tử) như sau:

$$\text{Minus}U = U - L \approx 1/2 U$$

Nghĩa là về mặt Giá trị thuần tuý (Giá trị Thực) thì MinusU được xác định trong miền suy giảm của U như sau:

$$\text{Minus}U = U \rightarrow 1/2 U$$

Đây chính là nội dung của Nguyên lý Nhất Nguyên – Lưỡng Nghi của Dịch học. “Nhất Nguyên – Lưỡng Nghi” cũng là một trong những Nguyên lý hết sức trừu tượng và thâm sâu của Dịch học: “Nhất Nguyên – Lưỡng Nghi” vừa có nghĩa bóng trong việc diễn đạt các Quá trình Bán rã Lượng tử để từ một Lượng tử nguyên ban đầu để tạo ra một Cặp Lượng tử mới đối lập

nhau. Ngoài ra còn có nghĩa đen là nó tạo nên tỷ số $\frac{1}{2}U$ xác định Ngưỡng dưới của Lượng tử.

Như vậy, “Tam Thiên – Lương Địa” và “Nhất Nguyên – Lương Nghi” là hai Nguyên lý siêu phạm của Dịch học và cũng là của các Học thuật Phương Đông Cổ đại cùng hợp thành để xác định biên giới tồn tại và miền biến thiên cho phép của Lượng tử bất kỳ trong khoảng từ $\frac{1}{2}$ đến $\frac{3}{2}$ Giá trị Ban đầu. Ngoài ra, nhiều ý nghĩa quan trọng khác của hai Nguyên lý này sẽ được đề cập thêm ở các nội dung tiếp theo.

Theo định nghĩa của Hiệu ứng Sinh Cặp, Cặp được tạo bởi OverU và MinusU phải đối lập nhau nên xét về Giá trị Tuyệt đối thì MinusU mang dấu Âm so với U và so với OverU và được xác định bởi hệ thức dưới đây:

$$\text{MinusU} = -\frac{1}{2}U$$

Như vậy, xét về Giá trị Tuyệt đối thì Tổng Giá trị Tuyệt đối của OverU và MinusU luôn đúng bằng Giá trị ban đầu của U như sau:

$$\begin{aligned} U_A &= A[\text{MinusU}, \text{OverU}] \\ &= \text{OverU} + \text{MinusU} \\ &= 3U/2 + (-\frac{1}{2}U) = U \end{aligned}$$

Ngược lại, Giá trị thực của Tập hợp được tạo bởi OverU và MinusU sẽ được xác định bởi hệ thức dưới đây:

$$\begin{aligned} U_R &= R[\text{MinusU}, \text{OverU}] \\ &= |\text{OverU}| + |\text{MinusU}| \\ &= 3U/2 + \frac{1}{2}U = 2U \end{aligned}$$

Trên đây chính là các hệ thức diễn đạt của Hiệu ứng Nhân đôi Giá trị Thực của Vũ trụ (Lượng tử).

Hợp bởi Hiệu ứng Sinh Cặp và Hiệu ứng Nhân đôi chính là Nguyên lý Sinh Cặp: Giá trị và số Lượng tử tăng gấp đôi sau mỗi Quá trình Sinh Cặp được xảy ra.

2.2. Nguyên lý Huỷ Cặp

Ngược lại với Quá trình Sinh Cặp là Quá trình Huỷ Cặp. Quá trình Huỷ Cặp xảy ra rất phổ biến trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội. Nó cũng là một trong những

▪ Hiệu ứng Huỷ Cặp

Khi Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Vũ trụ phát triển không ngừng, số lượng các Cặp Lượng tử được sinh ra không ngừng làm cho Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội mất đi khả năng cân bằng những Sai số Lượng tử giữa các Cặp Lượng tử Đối lập vì Tập hợp các Sai số Lượng tử giữa chúng cũng sẽ ngày càng gia tăng.

Sự sai lệch giữa các Cặp Lượng tử Đối lập được tích lũy bởi hệ thức dưới đây:

$$U = P_i + N_i + \xi_i = 0$$

$$\text{Hoặc } Q = \text{Over}Q_i + \text{Minus}Q_i + \xi_i$$

$$\Rightarrow E = \sum_1^n \xi_i$$

Các hệ thức trên mô tả rằng Vũ trụ có thể được sinh bởi n Cặp Lượng tử đối lập gồm $P_{(1 \div n)}$ và $N_{(1 \div n)}$ hoặc từ một Lượng tử bất kỳ có thể sinh ra các Cặp Lượng tử mới gồm $\text{Over}Q_{(1 \div n)}$ và $\text{Minus}Q_{(1 \div n)}$. Bên cạnh đó, chúng cũng sẽ tạo ra số lượng các Sai số Lượng tử tương ứng giữa chúng là $\xi_{(1 \div n)}$ sao cho có thể hợp thành Tập hợp E nói trên.

Sự sai lệch giữa các Lượng tử sẽ khiến cho Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội ngừng phát triển.

Vì vậy, để triệt tiêu các Sai số gây mất cân bằng cho Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội thì các Cặp Lượng tử phải triệt tiêu lẫn nhau theo từng cặp.

Trong Xã hội, sự mâu thuẫn Xã hội sẽ xảy ra xung đột như chiến tranh, thanh trừng lẫn nhau giữa các ‘Cặp’ Phe phái hoặc giữa từng hai Bàng nhóm... đó cũng là những hình thức của Nguyên lý Huỷ Cặp.

Điều đó khẳng định một chân lý rằng: Không một Lượng tử nào có thể tự triệt tiêu chính bản thân nó mà chúng phải triệt tiêu nhau theo từng Cặp. Tam Nguyên Luận rút ra các định luật dưới đây:

Định luật thứ mười bảy: Mọi Lượng tử được sinh ra trong Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội không thể tự triệt tiêu.

Định luật thứ mười tám: Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội luôn chỉ có thể bị triệt tiêu theo từng Cặp Lượng tử Đối lập nhau.

3. Cặp Nguyên lý Trùng vị – Bất trùng Vị

Vật lý Hiện đại cũng như Khoa học Phương Tây cho dù đã và đang phát triển rất mạnh nhưng cho đến nay những thành quả Khoa học mà học mang lại chưa đạt được sự hoàn hảo: Vẫn đang tồn tại nhiều khiếm khuyết (chưa hoàn thiện) cũng như còn nhiều thiếu sót về mặt Lý thuyết gây phát sinh nhiều tranh cãi trên Chính trường Khoa học Quốc tế.

Đặc biệt, nghiêm trọng nhất là giữa các Lĩnh vực Khoa học Lý thuyết không có sự thống nhất khiến cho sự phát triển của nền Khoa học Thế giới càng ngày càng bị phân kỳ đi theo nhiều khuynh hướng khác nhau làm cho các giới Khoa học càng ngày càng bị chia ra thành vô số các nhóm nhỏ khó qui tập thành một Tổ chức Khoa học Thống nhất nên các thành quả Khoa học càng ngày càng khó có thể phục vụ được cho cuộc sống một cách phổ biến mà chỉ đi dần vào các phương diện hẹp, ít thực dụng...

Vì vậy, Tam Nguyên Luận đang vạch dân một con đường thống nhất và lý tưởng cho Khoa học. Tam Nguyên Luận đã rút ra được những tinh túy của Nền Văn minh Phương Đông và những chân lý đúng đắn của Khoa học Phương Tây để hợp nhất thành một Lý thuyết Chung cho mọi Lĩnh vực Khoa học bao hàm từ Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội.

Trong đó, Cặp Nguyên lý Trùng vị – Bất Trùng vị là Cặp Nguyên lý có tính chân lý phi thường, điều mà Khoa học Phương Tây không thể ngờ tới vì nhờ nó mà Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội có thể tồn tại.

Những gì mà từ trước tới nay đang bàn luận đến chỉ mới nói lên các tiến tố và quá trình hình thành của Vũ trụ nhưng chưa thể nêu bật lên được vì sao Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội lại có thể tồn tại được!?

Cặp Nguyên lý Trùng vị – Bất Trùng vị chính là Trụ cột của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội theo cả nghĩa bóng và cả nghĩa đen. Hai Nguyên lý này đã tạo nên Trụ cột chống đỡ giữa các Cặp Lượng tử Đối lập không cho chúng triệt tiêu lẫn nhau: Nhờ vậy mới có sự tồn tại vĩnh cửu của các Cặp Lượng tử Đối lập, là lực lượng hùng hậu đã tạo ra Thế giới Vĩ đại ngày nay.

4.1. Nguyên lý Trùng vị

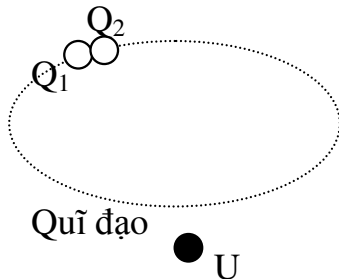
Từ các Nguyên lý nói trên, Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội được sinh ra nhờ có sự tạo thành của các Cặp Lượng tử Đối lập.

Nếu đã có sự đối lập giữa các Cặp Lượng tử thì chúng sẽ triệt tiêu nhau là điều hiển nhiên.

Vậy thì điều gì đã khiến cho chúng không thể loại trừ nhau mà chúng vẫn tồn tại?

Nguyên lý Trùng vị chỉ ra rằng các Lượng tử có cùng Thuộc tính luôn có thể trùng nhau về Vị trí tồn tại trong Vũ trụ cũng như có cùng chiều chuyển động và cùng vận tốc chuyển động. Nhờ vậy, chúng dễ dàng hợp nhất với nhau để trở thành một Tập hợp Lượng tử Đồng tính.

Vật lý Hiện đại cũng đã chứng minh được rằng, các Electron trong các lớp Quĩ đạo của Nguyên tử bất kỳ, tuy rằng chúng đều là Electron nhưng nếu được xác định ở Quĩ đạo nào thì chúng có Khối lượng động tương ứng với Quĩ đạo đó: Các Electron có cùng Quĩ đạo thì luôn có cùng Khối lượng động tuân theo Nguyên lý Trùng vị.



Tương tự, các Proton có thể hợp nhất thành Hạt nhân của Nguyên tử là vì chúng tuân thủ theo Nguyên lý Trùng vị...

Tại sao các Lượng tử Đồng tính – Đồng lượng lại có thể trùng vị? Điều này sẽ được giải thích và chứng minh ở Phần 7 – Các Nguyên lý Tương tác.

Đối với các Lượng tử Đối lập Thuộc tính thì sẽ như thế nào? Đối với các Cặp Lượng tử Đối lập Thuộc tính sẽ có hai trường hợp xảy ra như sau:

• **Đẳng trị Tuyệt đối**

Nếu hai Lượng tử đối lập Thuộc tính và bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối thì chúng sẽ có cùng vận tốc chuyển động nhưng ngược chiều nhau và có cùng Bán kính Quỹ đạo cũng như các Quỹ đạo của chúng trùng nhau trên cùng một mặt phẳng: Chúng dễ dàng va chạm nhau để tạo nên sự triệt tiêu lẫn nhau.

Vì thế, các Cặp Lượng tử Đối lập có Giá trị Tuyệt đối bằng nhau sẽ dễ dàng bị triệt tiêu, tuổi thọ của chúng rất ngắn (thời gian tồn tại của chúng trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội không dài).

Tam Nguyên Luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật thứ mười chín: Các Lượng tử Đồng tính – Đồng lượng (có Giá trị bằng nhau tuyệt đối) luôn được xác định cùng Vị trí (khoảng cách định vị) trong Vũ trụ.

Trên cơ sở đó, các Lượng tử Đồng tính dễ dàng hợp nhất thành một Tập hợp thống nhất của các Lượng tử Đồng tính.

Từ định luật nói trên lại rút ra định luật dưới đây:

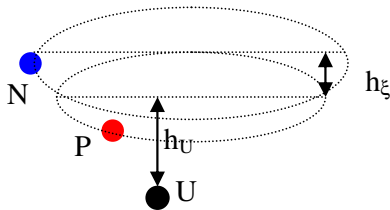
Định luật thứ hai mươi: Các Lượng tử Đối lập Thuộc tính – Đồng trị (có Giá trị Tuyệt đối bằng nhau) không thể tồn tại bền vững trong Vũ trụ.

Điều đó có nghĩa là chỉ sau khi được sinh ra, ngay trong Chu kỳ chuyển động đầu tiên do chúng chuyển động ngược chiều nhau nên chúng sẽ va chạm vào nhau và triệt tiêu lẫn nhau.

Đối với Cặp Lượng tử Đối lập nhưng khác nhau về Giá trị Tuyệt đối thì sẽ được trình bày ở Nguyên lý Bất trùng vị dưới đây.

4.2. Nguyên lý Bất trùng vị

Nếu Cặp Lượng tử Đối lập nhưng khác nhau về Giá trị Tuyệt đối thì chúng sẽ được xác định trên hai Quỹ đạo khác nhau hoàn toàn, không đồng phẳng cũng như khoảng cách giữa hai Quỹ đạo của chúng phụ thuộc vào Sai số Giá trị Tuyệt đối giữa chúng.



Nếu Sai số càng lớn thì khoảng cách Quỹ đạo càng lớn cũng như Bán kính Quỹ đạo của chúng khác nhau càng nhiều. Hình bên minh họa về sự bất trùng vị của hai Quỹ đạo chuyển động của hai Lượng tử. P là Lượng tử Dương có giá trị lớn hơn nên ‘chìm xuống dưới’. N là Lượng tử Âm có Giá trị Tuyệt đối bé hơn nên ‘nổi’ lên trên và có Quỹ đạo lớn hơn so với Quỹ đạo của P.

Tam Nguyên Luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật 21: Khoảng cách giữa các Lượng tử không cùng Giá trị Tuyệt đối tỷ lệ với Sai số Giá trị Tuyệt đối giữa chúng.

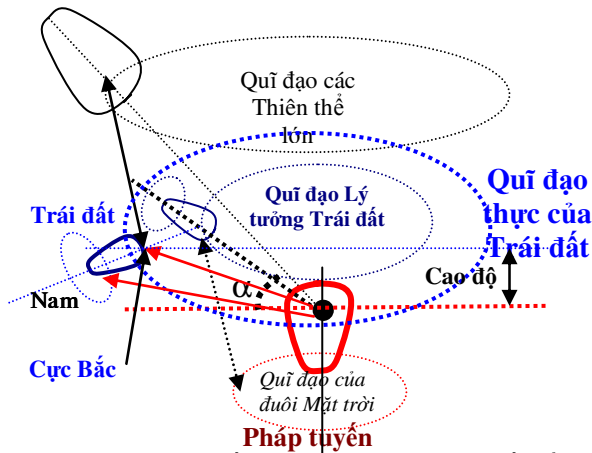
Đối với các Lượng tử Đồng tính – Bất đồng trị:

$$h = k.(Q_1 - Q_2) = k.\xi$$

Đối với các Lượng tử Đối lập – Bất đồng trị Tuyệt đối

$$h = k(Q_1 - Q_2) = k(|Q_1| + |Q_2|)$$

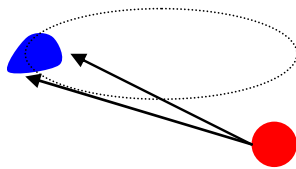
Vì lúc bấy giờ Sai số giữa Âm và Dương được xem như là Giá trị được tạo bởi sự đối lập Giá trị Tuyệt đối giữa chúng.



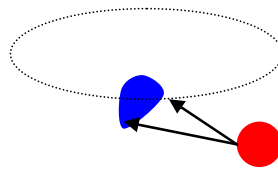
Hiệu ứng Bất trùng vị xảy ra do sự bất đẳng về giá trị giữa các Lượng tử tạo ra sự phân cấp Không gian giữa các Lượng tử nên các Quĩ đạo của các Lượng tử không trùng mặt phẳng với nhau hình thành nên nhiều Lớp Quĩ đạo xếp chồng lên nhau tạo thành Hệ có tính Cầu phương

độ, các hạt Proton phải đẩy nhau không thể hợp lại thành Hạt nhân Nguyên tử) thì lại hợp nhất một cách dễ dàng để trở thành một Tập hợp thống nhất. Đây chính là điều mà Vật lý Hiện đại không lý giải được.

Mặt khác, trong cùng một Lượng tử nhưng do sự khác nhau về cấu trúc (khác nhau về mật độ, khối lượng...) mà tạo ra các Cực gồm Thái cực và Thiếu cực nên Thiếu cực và Thái cực cũng không bao giờ trùng nhau trên cùng một phương vị mà chúng phải được xác định theo hai phương vị khác nhau và tạo ra độ nghiêng như đã được



Trái đất khi ở xa Mặt trời sẽ hướng Cực Bắc vào Mặt trời nhiều hơn



Trái đất khi vào gần Mặt trời sẽ hướng Cực Nam vào Mặt trời nhiều hơn

trình bày ở Phần 1 – Quyển 2.

Độ nghiêng của các Cực được xác định bởi mối quan hệ của Lượng tử đang xét với các Lượng tử khác trong Hệ của nó. Ví dụ, Trái đất khi ở xa Mặt trời thì độ nghiêng tăng lên sao cho Cực Bắc của Trái đất hướng vào Mặt trời hơn (vì lúc này Trái đất sẽ gần các Thiên thể khác của Thái Dương Hệ, ở các lớp Quỹ đạo bên ngoài (phía trên) hơn nên Cực Bắc của Trái đất cũng ‘gần’ các Thiên thể khác).

Nhưng khi Trái đất đi vào gần Mặt trời thì Cực Bắc của nó lại xa các Thiên thể khác hơn nên Cực Bắc của Trái đất phải ưu tiên hướng về các Thiên thể khác ở bên ngoài: Khi đó, thay vì Cực Bắc phải hướng nhiều hơn vào Mặt trời thì lúc này Cực Nam sẽ hướng về Mặt trời nhiều hơn.

Theo trên, cặp Nguyên lý Trùng vị – Bất trùng vị cho phép lý giải Quá trình Hình thành và Tồn tại của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội một cách một cách khoa học và phát triển dẫn xuất thành các Nguyên lý kế tiếp.

4. Cặp Nguyên lý Bán cộng – Loại trừ

Từ các Nguyên lý Trùng vị – Bất trùng vị lại cho phép rút ra các Nguyên lý Bán cộng và Loại trừ.

Cặp Nguyên lý này phối hợp với cặp Nguyên lý Trùng vị – Bất trùng vị để chứng minh và lý giải tại sao có sự tồn tại của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội!? Nguyên nhân chính của sự tồn tại của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội đó là nhờ vào Sai số Lượng tử giữa các Cặp Lượng tử Đối lập của chúng.

4.1. Nguyên lý Bán cộng

Loài người phải biết ơn những gì mà Tạo hoá đã cho con người, cả những cái rất hoàn thiện và những cái chưa hoàn thiện... Vì rằng, cái hoàn thiện là cái mà con người luôn hướng tới vì nó là cái đẹp nhất và tốt nhất.

Nhưng cái chưa hoàn thiện cũng là một yếu tố rất quan trọng để củng cố và hỗ trợ rất đặc lực cho sự hoàn thiện và tồn tại của cái đã và đang được hoàn thiện. Nếu không có cái chưa hoàn thiện thì cái hoàn thiện không thể tồn tại và không thể tạo ra Thế giới này.

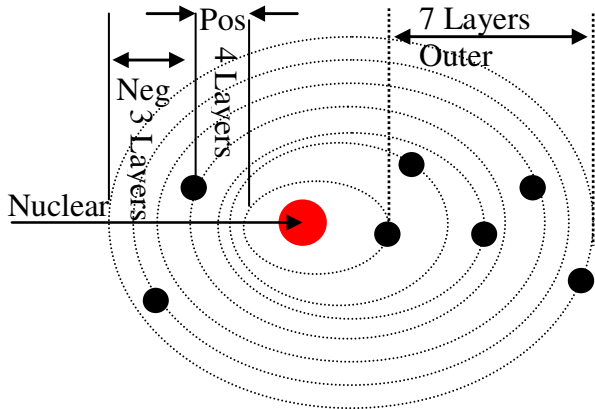
Những điều đang nói đến chính là nhờ có sự sai lệch giữa các Cặp Lượng tử Đối lập và các Cặp Lượng tử không Đối lập mà đã tạo ra Thế giới.

Từ các Nguyên lý Thái cực – Thiếu cực ở mục 6 – Phần 1 và các Nguyên lý vừa trình bày trên đây, Hiệu ứng Bán cộng được hình thành bởi sự hợp nhất của các Thái cực và sự phân ly của các Thiếu cực để hình thành nên sự phối hợp có tính chọn lọc bởi các hệ thức dưới đây:

$$P = \sum_1^n P_i ;$$

$$N = \sum_1^n N_i$$

Trong đó, P_i là các Lượng tử Dương hoặc các Thái cực; N_i các Lượng tử Âm hoặc các Thiếu cực.



Thái Dương Hệ gồm bảy lớp Thiên thể và Mặt trời là lớp thứ 8 ở Tâm của Thái Dương Hệ

Trên cơ sở đó, Âm và Dương hoặc Thái cực và Thiếu cực đều được dồn về một phía hoặc co cụm lại trên từng miền hẹp như sự mô tả ở hình bên:

Vật lý Hiện đại đều khẳng định rằng các Nguyên tử của các Nguyên tố Hoá học luôn được tạo bởi hai phần cấu trúc tách biệt gồm Hạt nhân là một khối cấu trúc rất nhỏ và được tập trung tại Tâm của Nguyên tử bởi các Proton mang điện Dương và các Neutron trung hoà. Phần cấu trúc còn lại chính là các

lớp Điện tử mang điện Âm bao quanh Hạt nhân và chiếm một Không gian lớn hơn Hạt nhân rất nhiều lần

Như trên, các lớp (Layer) Điện tử của Nguyên tử được phân bố như dưới đây:

- Layer 1: not over 2 Electrons;**
 - Layer 2: not over 8 Electrons;**
 - Layer 3: not over 18 Electrons;**
 - Layer 4: not over 32 Electrons;**
 - Layer 5: not over 32 Electrons;**
 - Layer 6: not over 14 Electrons;**
 - Layer 7: not over 2 Electrons;**
- ↑ Thái cực được tạo bởi 60 Electrons
 ↓
 ↑ Thiếu cực được tạo bởi 48 Electrons
 ↓

Theo qui tắc trên, số Điện tử mà Nguyên tử có thể đạt được tối đa không vượt quá 108 Electron. Tương ứng, Hạt nhân của Nguyên tử cũng không thể được tập trung quá 108 Proton.

Bên cạnh đó, các lớp Điện tử của Nguyên tử cũng được phân ly thành Thiếu cực và Thái cực: Thái cực chiếm 60 Điện tử ở các lớp bên trong (từ Layer 1 đến Layer 4) và Thiếu cực gồm 48 Điện tử ở các lớp bên ngoài (từ lớp 5 đến lớp 7).

Tương tự, Hạt nhân của Nguyên tử cũng được phân ly thành Thái cực và Thiếu cực với sự phân chia số lượng Lượng tử và phân phối y hệt các lớp Điện tử.

Như đã trình bày ở mục 6 – Phần 1 về Nguyên lý Phân cực (Thái cực và Thiếu cực) thì bản thân Nguyên tử cũng được phân ly thành Thiếu cực

bởi tất cả các lớp Điện tử và Thái cực được tạo bởi Hạt nhân nên kết hợp với các Phân cực Nội bộ của Hạt nhân và của các lớp vỏ Điện tử của Hạt nhân mà tạo nên sự phân cực rất đa dạng và phức tạp.

Một lần nữa, các hệ thức diễn đạt cho Nguyên lý Bán cộng cũng diễn đạt chung cho các Nguyên lý Phân cực.

▪ Hiệu ứng Nhóm

Hiện tượng tập trung các Lượng tử có cùng Thuộc tính thành một Nhóm lại sinh ra Hiệu ứng Nhóm. Đây là hiện tượng xảy ra rất phổ biến trong Vũ trụ và Tự nhiên cũng như Xã hội.

Thật vậy, sự tập trung của các Proton thành Hạt nhân của Nguyên tử chính là một đơn cử đối với Tự nhiên. Đối với Xã hội, Hiệu ứng Nhóm cũng xảy ra rất phổ biến: Những người có cùng Ngành – Nghề và có cùng trình độ chuyên môn vẫn thường qui tụ thành từng Nhóm hoặc từng Tổ chức để có thể mưu cầu cùng một mục đích nào đó. Đây cũng chính là nguyên nhân gây nên sự phân cấp Xã hội tạo ra nhiều Tầng lớp và Giai cấp Xã hội.

$$P = \sum_1^n P_i ;$$

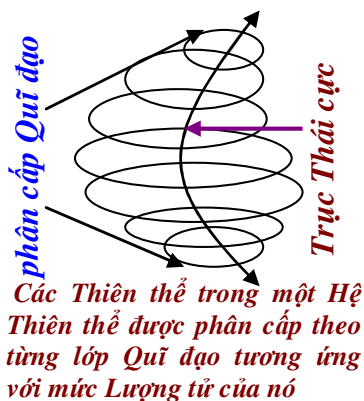
$$N = \sum_1^n N_i$$

Các hệ thức nói trên mô tả cho Hiệu ứng Nhóm: Tất cả các Lượng tử Đồng tính và Đồng lượng sẽ cùng hợp thành một Nhóm được gọi là các Nhóm Đồng đẳng.

Trên cơ sở đó, Tam Nguyên luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật thứ 22: Mọi Lượng tử luôn phối hợp nhau thành từng Tập hợp của các Lượng tử có cùng Thuộc tính và có cùng Giá trị .

▪ Hiệu ứng Phân cấp



Như trên đã trình bày, hiện tượng qui tụ riêng phần giữa các Lượng tử có cùng Thuộc tính cũng sẽ tất yếu xảy ra sự qui tụ theo từng Nhóm để phù hợp với từng Cấp Giá trị của Lượng tử.

Thật vậy, hoàn toàn có thể chứng minh được rằng, ứng với mỗi một Giá trị thì Lượng tử sẽ có một Thuộc tính khác nhau, ví dụ, các Nguyên tố Hoá học được tạo bởi số Proton tương ứng trong Hạt nhân khác nhau.

Nêu sự khác nhau về số Proton của Hạt nhân càng nhiều thì Thuộc tính của chúng càng khác nhau. Chính sự khác

nhau này sẽ phân cấp cấu tạo của Vật chất nói chung cũng như phân cấp cấu trúc của một Hệ Lượng tử bất kỳ trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội.

Ví dụ, sự phân thành các lớp Điện tử trong các Nguyên tử cũng chính là sự phân cấp của các Electron: Có 7 lớp Điện tử tương ứng với 7 Cấp độ cấu trúc của Nguyên tử.

Ngoài ra, sự phân cấp còn thể hiện ở nhiều mức độ phức tạp hơn, ví dụ, khi Xã hội càng phát triển thì sự phân hoá về ngành nghề càng nhiều cũng như sự phân hoá về các cấp Chính quyền càng đa dạng vì vậy đã tạo ra vô số các Tầng lớp và Giai cấp khác nhau trong Xã hội.

Điều này phản chứng lại quan điểm của Lenin về Chủ nghĩa Cộng sản: Lenin từng cho rằng khi Xã hội càng phát triển thì Giai cấp sẽ được xoá bỏ và Xã hội sẽ trở nên bình đẳng giữa mọi thành phần lao động... Vâng, sự bình đẳng giữa mọi Công dân và giữa mọi dân tộc... có thể có nhưng như thees không có nghĩa là không tồn tại Giai cấp trong Xã hội. Bởi vì không một Xã hội nào có thể đồng hoá được tất cả công ăn việc làm của tất cả mọi người trong Xã hội mà luôn phải có sự phân cấp lao động theo Lĩnh vực Chuyên môn, theo khả năng lao động... mà luôn tạo ra sự phân hoá Giai cấp.

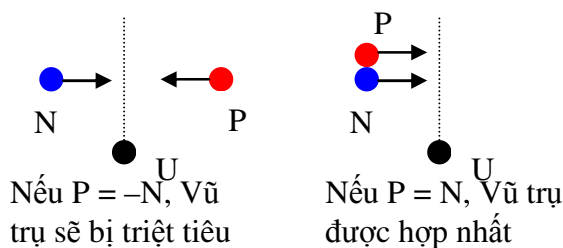
4.2. Nguyên lý Loại trừ

Trên cơ sở của Nguyên lý Bán cộng, Nguyên lý Loại trừ chỉ xảy ra khi và chỉ khi các Cặp Lượng tử đối lập bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối theo hệ thức dưới đây:

$$P \oplus N = 0 \Leftrightarrow P = -N$$

Sẽ có ba trường hợp xảy ra, nếu $P = -N$ thì Vũ trụ sẽ bị triệt tiêu;

Nếu $P = N$ (tức là P và N thực chất có cùng Thuộc tính và có cùng Giá trị) thì Vũ trụ sẽ được tạo bởi sự hợp nhất của P và N;



Nếu P và N khác nhau về Giá trị Tuyệt đối thì P và N cùng tồn tại độc lập lẫn nhau và hợp thành một Hệ Lượng tử.

Điều đó chứng tỏ rằng, nhờ vào sự khác nhau về Giá trị Tuyệt đối giữa các Cặp Lượng tử

Đối lập mà đã giúp cho Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội có thể tồn tại. Ngược lại, nếu Vũ trụ luôn sinh ra các Cặp Lượng tử Đối lập với Giá trị Tuyệt đối bằng nhau theo từng đôi một thì chúng sẽ bị triệt tiêu theo từng Cặp và Vũ trụ không có cơ may để tồn tại.

Ngoài ra, Nguyên lý Loại trừ còn có nhiều ý nghĩa khác, sẽ được trình bày thêm ở các phần tiếp theo.

Tam Nguyên Luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật thứ 23: Sự triệt tiêu của Vũ trụ chỉ xảy ra theo từng Cặp Lượng tử Đối lập Thuộc tính có cùng Giá trị Tuyệt đối.

5. Cặp Nguyên lý Phủ định – Kế thừa

Triết học Mark – Lenin cũng như Chủ nghĩa Duy vật Biện chứng từng khẳng định rằng quá trình phát triển của Tự nhiên và Xã hội được thực hiện thông qua hai tiến trình đối nghịch nhau là Phủ định và Kế thừa.

Tam Nguyên Luận làm rõ hơn các mối quan hệ giữa Phủ định và Kế thừa, điều mà Triết học và Chủ nghĩa Duy vật Biện chứng chỉ mới nhận định nhưng chưa có thể đưa ra nhưng phép tính cụ thể để xác định được những khoảng cho phép có thể xảy ra đối với các tiến trình Phủ định và Kế thừa.

5.1. Nguyên lý Phủ định

Nguyên lý Phủ định là một tiến trình thay thế lẫn nhau giữa các Thế hệ Lượng tử trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội. Nhờ vậy mà Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội liên tục được đổi mới cũng như được phát triển.

Mark – Lenin và Chủ nghĩa Duy vật Biện chứng cũng đã từng khẳng định rằng không thể xảy ra sự Phủ định sạch trơn. Vậy nhưng sau Phủ định thì những Thế hệ trước đó có thể tồn tại là bao nhiêu!? Điều này thì chưa có một lĩnh vực Khoa học nào cả về Triết học lẫn Khoa học Tự nhiên cũng như Khoa học Xã hội không thể đưa ra được một ‘con số’ hoặc một phép tính hỗ trợ để xác định được lượng còn lại.

Đây là một vấn đề rất quan trọng vì nếu xác định được lượng còn lại sau Phủ định thì mới có thể xác định được các tiến trình phát triển hay suy vong kế tiếp sau Phủ định.

Tam Nguyên Luận khẳng định rằng Lượng bị Phủ định không bao giờ vượt quá một nửa Lượng hiện tại. Có nghĩa rằng Lượng bị Phủ định đúng bằng Lượng còn lại.

Trên cơ sở đó, Tam Nguyên Luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật 24: Lượng bị phủ định trong mọi Quá trình Phủ định – Kế thừa không bao giờ vượt quá Lượng còn lại.

Nếu gọi phép Phủ định là Negation (Neg) thì kết quả của phép Phủ định được suy diễn bởi hệ thức dưới đây:

$$\text{Neg}U = \frac{1}{2}U$$

Trong đó, U là Lượng trước khi Phủ định, NegU là Lượng còn lại sau Phủ định.

Toán học Logic Hiện đại cho rằng kết quả của các phép Phủ định được biểu thị như sau:

$$\text{Not}(1) = 0$$

$$\text{Not}(0) = 1$$

Điều đó có nghĩa là phép Phủ định của Toán học Logic Hiện đại chấp nhận theo nguyên tắc Phủ định sạch trơn. Đây là quan niệm sai lầm của Toán học Hiện đại.

Điều này muốn nhấn mạnh thêm cho Nguyên lý Lượng tử hoá là các Giá trị Lượng tử được xác định theo các mức Lượng tử hoá theo hệ thức dưới đây:

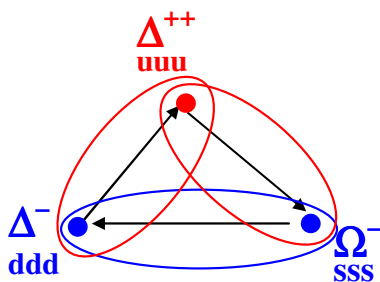
$$Q = Q_0 \cdot 2^n$$

Trong đó, Q_0 là mức Lượng tử ban đầu (có Giá trị nhỏ nhất), n là thứ tự của Lượng tử.

Có nghĩa rằng Lượng tử thứ n sẽ lớn gấp đôi Lượng tử thứ $n - 1$. Vì thế, nó cho phép giải thích tại sao các Hạt mang điện Dương (Quark) lại có điện tích lớn gấp đôi điện tích của các Quark mang điện Âm, tức là:

Up	+2/3	Down	-1/3
Strange	+2/3	Charm	-1/3
Bottom	+2/3	Top	-1/3

Bởi vì các Quark mang điện Âm chính là Phủ định của các Quark Dương nên điện tích của các Quark Âm chỉ bằng $1/2$ của Quark Dương (sẽ được chứng minh rõ nghĩa hơn ở Phần 7 – Quyển 2 về Các Nguyên lý Tương tác).



Sự hợp thành Hệ Lượng tử có 2 Âm và 1 Dương (ba Lượng tử) theo Nguyên lý Phủ định

Cũng chính vì vậy, những kết quả kéo theo do các phép Toán Logic mang lại không thể diễn đạt được những Quy luật Tự nhiên một cách đúng đắn mà thay vào đó Khoa học – Kỹ thuật – Công nghệ Hiện đại đang phải áp dụng những Hệ thống Mã Nhân tạo. Không áp dụng được Hệ thống Mã Tự nhiên được mô phỏng theo các Quy luật Tự nhiên nên không phát huy được những thế mạnh vượt trội của các Quy luật Tự nhiên.

Theo Tam Nguyên Luận, kết quả của phép Phủ định là Bán phần Giá trị của Giá trị trước khi bị phủ định. Nhờ đó, các Thuật toán của Tam Nguyên Luận đã và đang mô phỏng theo sát các Quy luật Tự nhiên và xây dựng được Hệ thống Mã Tự nhiên ưu việt hơn hẳn các Hệ thống Mã và các Quy tắc Toán học Logic Hiện đại.

5.2. Nguyên lý Kế thừa

Thực chất sự Kế thừa được thực hiện đồng thời với sự Phủ định, khi các Lượng tử mới được sinh ra thì các Lượng tử cũ bị Phủ định bởi những Lượng tử mới và được diễn đạt bởi các hệ thức dưới đây:

$$U = 0$$

$$U = P + N$$

Nếu $U = 0$ thì nó lập tức sinh ra hai Lượng tử đối lập nhau và Phủ định Lượng bằng Không ban đầu của nó. Phép Phủ định – Kế thừa này hơi mơ hồ cho nên cần phải xét thêm phép Phủ định – Kế thừa dưới đây:

$$U \neq 0$$

$$U = \text{Over}U + \text{Minus}U$$

MinusU được gọi là Lượng còn lại sau Phủ định, OverU là Lượng được Kế thừa. Như vậy, Quá trình Bán rã Lượng tử bất kỳ luôn xảy ra đồng thời sự Phủ định và Kế thừa. Sau sự Bán rã, U bị Phủ định, chỉ còn tồn tại OverU và MinusU nhưng các Lượng của U luôn được kế thừa bởi OverU và ngay cả MinusU cũng được kế thừa bằng đúng $\frac{1}{2}U$.

Mặt khác, trên cơ sở của các hệ thức nói trên, Tam Nguyên Luận tổng quát hoá Nguyên lý Kế thừa bởi các hệ thức dưới đây:

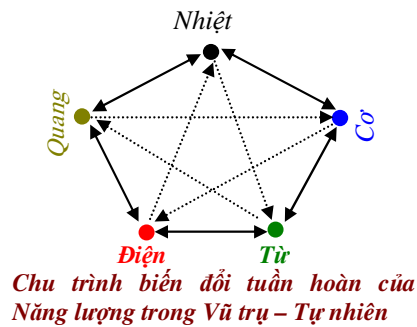
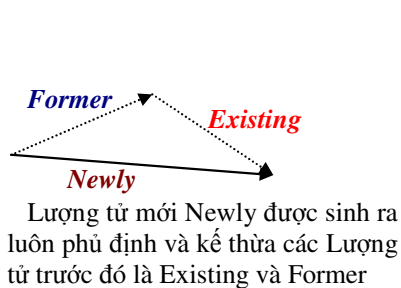
$$Q_{n-1} = \text{Minus}Q_n;$$

$$Q_{n+1} = \text{Over}Q_n$$

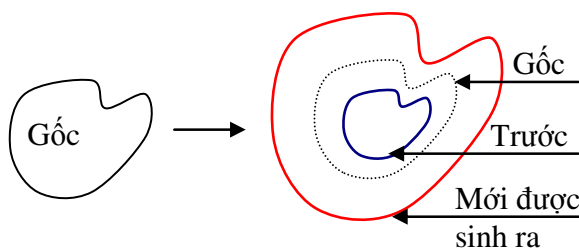
Điều đó có nghĩa là một Lượng tử Q_{n+1} bất kỳ luôn được phát triển kế thừa bởi hai Lượng tử trước nó là Q_{n-1} và Q_n .

Nhờ có Nguyên lý Kế thừa mà Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội được hình thành cũng như phát triển theo Dây chuyền (tạo thành Chuỗi).

Sự hình thành Dây chuyền theo Nguyên lý Kế thừa được diễn đạt bởi các hệ thức trên và được mô tả bởi các mô hình Vector dưới đây:



Trên cơ sở của Nguyên lý Kế thừa, mọi Quy luật và Định luật Bảo toàn – Biến đổi – Chuyển hoá Năng lượng cũng như mọi trạng thái của Vật chất được thực hiện.



Ngoài ra, sự phủ định và kế thừa của các Lượng tử trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội được xảy ra theo cơ chế như hình bên.

Khi Lượng tử mới được hình thành thì chỉ có Lượng tử Hiện tại (Existing – Gốc) bị phủ

định còn Lượng tử cũ (Former – Trước) trước đó vẫn được duy trì (thậm chí phải được tái hiện).

Các tính chất của Nguyên lý Kế thừa sẽ được trình bày đầy đủ hơn ở các Nguyên lý Phát triển – Phần 6 – Quyển 2 và ở Toán học Mơ hồ – Quyển 3. Trong nội dung này chỉ trình bày sơ bộ mà thôi.

6. Cặp Nguyên lý Giới nội – Mở rộng

Quá trình hình thành của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn tuân thủ theo qui luật ‘sao chép’ đồng dạng giữa các Lượng tử: Các Lượng tử mới được sinh ra luôn có cấu trúc đồng dạng giống như các Lượng tử ban đầu... gây nên sự Giới nội Thuộc tính nhưng đồng thời cũng tạo ra sự Mở rộng không ngừng về Thuộc tính.

Mặt khác, điều quan trọng nhất là Trường Năng lượng – Tương tác giữa tất cả các Lượng tử trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn được giới nội trong Vũ trụ, không bao giờ bị thất thoát ra ngoài.

Đây là điều rất ‘kỳ lạ’ của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội mà Tam Nguyên Luận đã khám phá cũng như chứng minh được. Nhờ đó, nó chứng minh một cách tổng quát cho các Định luật Bảo toàn và Chuyển hoá Năng lượng cũng như Vật chất trong Vũ trụ (các định luật bảo toàn mà Vật lý Hiện đại từng phát biểu chỉ mới nhìn thấy được một phương diện rất hạn hẹp của các Quá trình Tuần hoàn của Năng lượng cũng như Vật chất trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội mà thôi. Chưa nhìn được bao quát vấn đề).

Cặp Nguyên lý Giới nội – Mở rộng muốn trình bày về những qui luật tuần hoàn mở của Quá trình Phát triển của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung theo xu hướng tất yếu được gọi là Qui luật Tự nhiên.

6.1. Nguyên lý Giới nội

Sự giới nội các Giá trị có thể có của Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội luôn được căn cứ vào độ Sai số ξ giữa P và N hoặc OverU và MinusU. Vì có sự sai lệch giữa P (hoặc OverU) và N (hoặc MinusU) mà tổng các Giá trị của Vũ trụ không được ‘khép kín’ tức là không thể triệt tiêu nên Vũ trụ không thể tự cân bằng.

Khi đó, Sai số ξ sẽ khiến cho Vũ trụ phải sinh ra một ứng suất để sinh ra các biến thái khác của Vũ trụ nhằm tạo ra các Lượng tử mới để bù vào đúng Sai số của ξ đã gây ra.

Ví dụ, hãy giả sử rằng ban đầu Vũ trụ sinh ra một Thực thể đầu tiên là Quark u. Sự tồn tại của Quark U sẽ khiến cho Vũ trụ bị mất cân bằng và buộc nó phải sinh ra một Quark đối nghịch với nó, giả dụ là Quark d.

Theo Nguyên lý Phủ định thì Quark phải có một Giá trị nào đó bé hơn u và được xác định bằng $\frac{1}{2}u$ (đó chính là Giá trị Điện tích). Nhưng cũng sẽ

có các Giá trị khác kèm theo sẽ lớn hơn hoặc cũng bé hơn các Giá trị tương ứng của u (mỗi Lượng tử bao hàm rất nhiều Giá trị khác nhau, ví dụ, Khối lượng, Điện tích, Vận tốc chuyển động, Spin, Số lạ...).

Vì Quard d bé hơn Quark u về Điện tích (u bằng $+2/3$, $d = -1/3$) nên Vũ trụ bị mất cân bằng về Điện tích. Vì thế, sự biến thái Thuộc tính của Vũ trụ bắt đầu xảy ra, nó buộc phải sinh ra thêm ít nhất là một hoặc nhiều Lượng tử khác có thể bù vào Sai số Điện tích giữa u và d.

May mắn thay, giả sử một Quark s sẽ xuất hiện với Điện tích đúng bằng $1/2$ của u và đúng bằng Điện tích của d. Vậy thì tại sao được gọi là biến thái Thuộc tính? Bởi vì như trên đã trình bày, mọi Lượng tử không chỉ duy nhất một Giá trị mà nó có rất nhiều Giá trị khác nhau nào là Điện tích, nào là Khối lượng, nào là Vận tốc chuyển động... Vậy thì cái gì là sự biến thái Thuộc tính ở đây?

Hãy xem xét mở rộng hơn nữa để thấy rằng Khối lượng của u chỉ bằng 10 đơn vị Khối lượng của Electron. Trong lúc Khối lượng của d gấp đôi (theo đúng Nguyên lý Lượng tử hoá cấu trúc Vật chất theo hệ thức tổng quát là $Q_n = Q_0 \cdot 2^n$).

Vì khác nhau về Khối lượng nên biến thái Thuộc tính lại xảy ra, cũng tuân theo Nguyên lý Tương đối, Lượng tử nào có Giá trị bé sẽ là Âm còn Lượng tử nào có Giá trị lớn sẽ là Dương: Lúc này, nếu xét về Khối lượng thì vì d gấp đôi u nên d là Dương, ngược lại u phải là Âm.

Tất nhiên, Âm và Dương ở đây không phải là Âm – Dương về Điện mà là Âm – Dương (Yin – Yang) về Thuộc tính được qui nạp mà thôi.

Vì sự khác nhau về Khối lượng mà nó buộc phải sinh ra một biến thái mới về Thuộc tính của Khối lượng buộc nó phải sinh ra một Quark thứ ba, giả dụ là s có cùng Điện tích với d để bù vào sự bất cân đối Điện tích của d so với u nhưng với Khối lượng phải khác để làm sao nó có thể cân đối được Khối lượng giữa u và d.

Thế nhưng, Khối lượng của s lại lớn gấp 10 lần d và gấp 20 lần u nên nó lại không cân đối được sự chênh lệch Khối lượng giữa các Hạt. Khi đó, nó buộc phải sinh ra một Hạt khác có thể tạo ra sự đối Khối lượng của cả ba Hạt nói trên đó là một Hạt Trung hoà về điện (vì lúc bấy giờ tổng Điện tích của cả ba Hạt nói trên đều đã trung hoà) nhưng có khối lượng có thể đối được với cả ba Hạt kia...

Điều đó chứng tỏ rằng, Vũ trụ không thể tạo ra sự cân bằng cùng lúc cho mọi Giá trị khác nhau của các Lượng tử, mà ứng với mỗi một Lượng tử được sinh ra nó chỉ bù được một Giá trị nhất định. Nhưng trong khi bù được Giá trị này thì nó lại làm cho Giá trị khác bị phá vỡ sự cân bằng.

Cứ thế, Vũ trụ phải liên tục sinh mới các Lượng tử khác để bù cho những Giá trị mới bị phá vỡ tạo nên những biến thái liên tục về Thuộc tính.

Cũng nhờ đó, sự xuất hiện của Sự sống trên Trái đất cũng là một hình thức của Quá trình biến thái của Vũ trụ và Tự nhiên: Trái đất phải sinh ra các Thể Sống đầu tiên để bù đắp cho sự phá vỡ cân bằng về tương tác – năng lượng giữa các Thể Vô sinh, khi có Sự sống xuất hiện thì nó lại phá vỡ tiếp những mức cân bằng khác (đầu tiên là các thể Thực vật phát triển rất mạnh, nó sẽ có nguy cơ làm cho môi trường trên Trái đất chỉ có mỗi màu xanh của cây lá và nguy cơ thiếu hụt Oxi cũng như thiếu ánh sáng quang hợp cho nhiều loài sẽ bị thiếu. Cũng như, sự phát triển quá mạnh của Thực vật sẽ làm cho Nhiệt độ của Trái đất giảm xuống quá thấp làm cho Trái đất có nguy cơ bị mất Năng lượng) nên Sự sống khác cao hơn lại tiếp tục xuất hiện:

Các loại động vật được sinh ra để ‘loại trừ’ giới Thực vật học để làm giảm tốc độ phát triển của Thực vật nhằm làm cho Trái đất có thể hấp thụ được Năng lượng từ Mặt trời cũng như từ Vũ trụ tốt hơn...

Khi giới động vật xuất hiện, sự vô tri của các loài động vật cũng sẽ gây nên sự tàn phá đối với giới Thực vật. Vì thế, sự biến thái của Vũ trụ và Tự nhiên phải sinh ra các giới động vật bậc cao, đó là con người để có thể có ý thức trong việc duy trì sự cân bằng cho Vũ trụ và Tự nhiên nhưng hiềm thay *sau khoảng 500.000 năm* tiến hoá mà cho đến nay con người vẫn chưa qua khỏi thời kỳ mong muội.

Những tương con người sẽ giúp Vũ trụ và Tự nhiên lập lại được trật tự và điều chỉnh được sự cân bằng thì không ngờ rằng con người lại càng phá hoại ghê gớm hơn và tinh vi hơn các loài động vật vô tri khác khiến cho Vũ trụ và Tự nhiên càng mất cân bằng nhiều hơn.

Để bù lại những bất cân bằng đó, không ‘nhờ’ vào ai khác, Vũ trụ và Tự nhiên lại phải tự điều tiết thông qua những biến đổi khắc nghiệt của Thời tiết – Khí hậu – Thiên tai... vì phải có những biến đổi khắc nghiệt như vậy thì nó mới tạo ra được nhưng ứng suất gây nên những biến thái mới nhằm lập lại những điều kiện cân bằng mới hoặc bắt buộc – cưỡng bức mọi thực thể khác phải tự thích nghi với các điều kiện hiện tại...

Theo trên, Nguyên lý Giới nội ít nhất có hai nguyên tắc giới nội như được trình bày dưới đây:

▪ **Giới nội Thuộc tính**

Theo trên, mọi Giá trị có thể có của các Lượng tử trong Vũ trụ phải luôn được giới nội theo các hệ thức dưới đây:

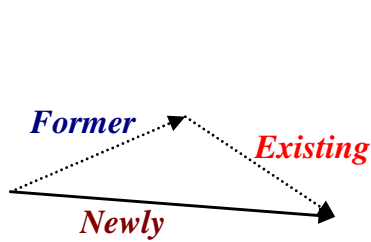
$$P = \sum_1^n P_i ;$$

$$N = \sum_1^n N_i$$

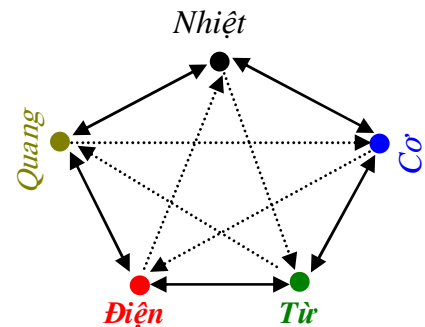
Trong đó, P_i và N_i là các biến thái Thuộc tính của các Lượng tử con.

Các biến thái phải xảy ra đôi với mọi Thuộc tính có thể có sao cho sự qui đồng nhất giữa mọi Thuộc tính về cùng một đại lượng chung (ví dụ, tất cả mọi Thuộc tính có thể qui đồng về dưới dạng Năng lượng hay một đại lượng nào đó...) sao cho tổng của chúng là P và N phải bằng nhau và đối lập nhau để P và N có thể triệt tiêu nhau.

Đó chính là Nguyên lý Giới nội Thuộc tính. Sự giới nội Thuộc tính sẽ tạo ra chu trình biến đổi – chuyển hoá tuần hoàn (lặp lại) Thuộc tính có dạng như dưới đây:



Lượng tử mới Newly được sinh ra luôn phủ định và kế thừa các Lượng tử trước đó là Existing và Former



Chu trình biến đổi tuần hoàn của Năng lượng trong Vũ trụ – Tự nhiên tạo ra sự Giới nội

Chính nhờ sự lặp lại Thuộc tính sau những Chu trình xác định mà nó sẽ tạo ra sự đồng dạng – giống nhau giữa các Thế hệ cũng như giữa các Chu trình biến đổi – tiến hoá của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội... tạo ra Qui luật Phát triển Đồng dạng Xoắn ốc.

▪ *Giới nội Năng lượng*

Tương tự, Năng lượng Tương tác trong Vũ trụ và Tự nhiên luôn được giới nội thông qua các Chu trình biến đổi – chuyển hoá tuần hoàn theo Hệ khép kín.

Một mặt khác, quá trình truyền Năng lượng trong Vũ trụ giữa Lượng tử này đến Lượng tử khác cũng luôn được khép kín, không bị thất tán ra ngoài. Vì vậy, Vũ trụ cũng như các Hệ Lượng tử bất kỳ phải có sự phân bố Lượng tử sao cho mọi Lượng tử bất kỳ đều có thể ‘đón nhận’ được Năng lượng tương tác của nhau...

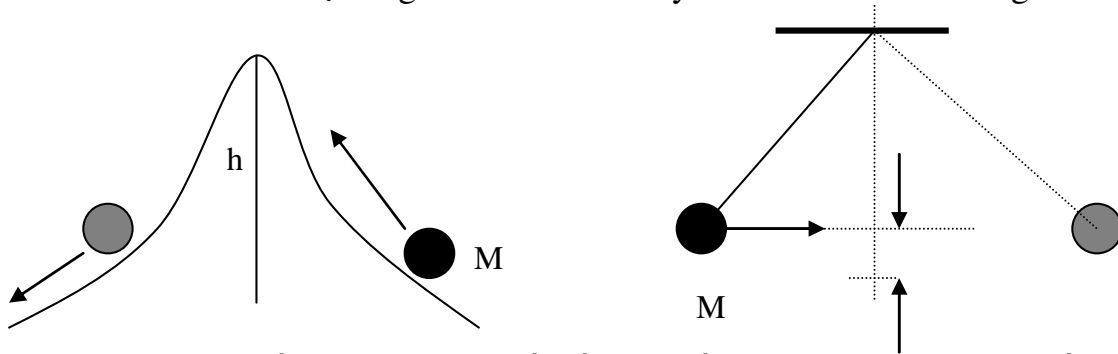
Nhờ sự Khép kín Năng lượng – Tương tác mà Năng lượng luôn được bảo toàn sau những Chu trình biến đổi – chuyển hoá tuần hoàn trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của Vũ trụ nên Qui luật ‘Vay – Trả’ Năng lượng trong Vũ trụ được thực hiện theo đúng ‘trách nhiệm và nghĩa vụ’ vì thế Tổng các giá trị Năng lượng của Vũ trụ trong mỗi Chu trình biến đổi và chuyển hoá luôn bằng Không.

Vì thế, Năng lượng của Vũ trụ không hề bị mất đi. Thế nhưng, đó chỉ là một vế. Khi Năng lượng của Vũ trụ bằng Không thì Vũ trụ lấy đâu ra để

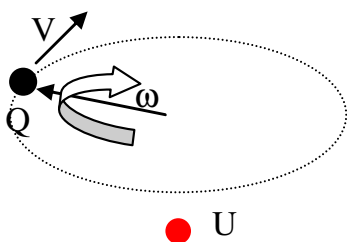
‘xào nấu’? Đó chính là Nguyên lý ‘Vay – Trả’ như vừa mới được nhắc đến trên đây. Tức là trong mỗi Chu trình sẽ được chia thành hai bán kỳ: Một bán kỳ được gọi là Năng lượng Âm và một bán kỳ được gọi là Năng lượng Dương. Ở bán kỳ đầu vì chưa có Năng lượng (Năng lượng ban đầu bằng Không) nên nó phải ‘Vay’ ở đâu đó và tạo ra Năng lượng Âm. Sau đó, đến nửa chu kỳ sau, Vũ trụ sẽ sản ra được một Năng lượng Dương nhờ vào sự phát triển của nó.

Nhờ đó, Năng lượng này được hoàn trả cho Giá trị Năng lượng mà trước đó nó đã vay (nếu chưa bàn đến theo qui luật phát triển thì Năng lượng do Vũ trụ sản ra ở bán kỳ sau luôn lớn hơn ở bán kỳ trước đó).

Có thể minh hoạ bằng hình ảnh dưới đây để có thể dễ hình dung:



Hãy giả sử rằng một Vật M bắt đầu leo dốc với độ cao h , rõ ràng rằng, để có thể leo được dốc thì M phải ‘sản’ ra một Công A tương ứng với độ cao và trọng lượng M của nó. Vậy thì Công A này ở đâu ra? Đó chính là nó phải vay của một ‘ngoại lực’ nào đó để leo. Khi đã leo đến đỉnh và bắt đầu trượt xuống phía bên kia hoặc trượt ngược lại theo hướng nó đã leo lên thì nó cũng sẽ tự sản ra một Công A' . Nếu định luật bảo toàn Năng lượng được tuân thủ thì dĩ nhiên là Công A' do nó sản ra sẽ trả được cho ‘ngoại lực’ mà nó đã vay lúc ban đầu.



Nhờ sự khép kín Quỹ đạo chuyển động mà Năng lượng được bảo toàn

Tương tự, con lắc tự do theo hình bên cũng sẽ xảy ra hiện tượng Vay và Trả Năng lượng như trường hợp bên để tạo ra quá trình dao động tuần hoàn và nếu định luật bảo toàn không bị vi phạm thì dĩ nhiên con lắc cứ yên chí mà lắc qua lắc lại vĩnh viễn.

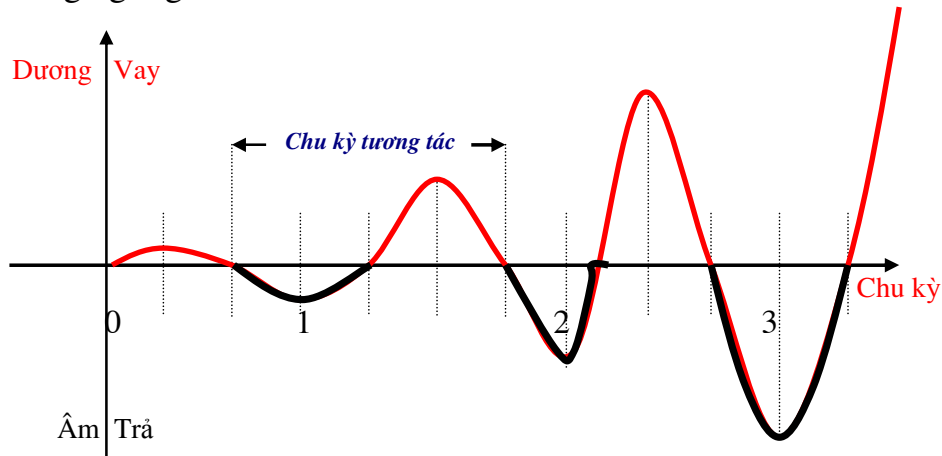
Vũ trụ và Tự nhiên cũng vậy, nhờ các Quá trình Khép kín về chuyển động – vận động.

Qua đó dễ thấy rằng, Vũ trụ và Tự nhiên là những ‘kẻ cực kỳ khôn ngoan và luôn tuân thủ đúng luật chơi’. Nhờ đó, sau mỗi Chu kỳ, nó có thể

tiếp tục Vay một Năng lượng lớn hơn để tiếp tục ‘bá nghiệp đế vương’ lớn hơn trước mà làm cho Vũ trụ có cơ hội để phát triển từ không thành có...

6.2. Nguyên lý Mở rộng

Nhờ Nguyên lý ‘Vay – Trả’ mà Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội đã có thể biến không thành có. Cũng như theo cùng một luật chơi, Vũ trụ và Tự nhiên cũng như Xã hội luôn biết kế thừa một cách khôn ngoan để biến nhỏ thành to, biến ít thành nhiều mà đã liên tục tạo cho nó những cơ hội phát triển không ngừng.



Món hời của Vũ trụ trả gấp đôi khoản vay ban đầu sau khi kết thúc Chu kỳ

‘Tham vọng’ của Vũ trụ kẻ cũng đáng sợ!!! Thế nhưng, cũng nhờ như vậy mà Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội mới có được như ngày hôm nay. Tất cả những gì mà chúng ta nhìn thấy được ngày hôm nay cũng đều được hình thành từ sự ‘vay – trả’ của Vũ trụ...

Vũ trụ luôn là kẻ vay trung thành với chủ và cũng nhờ vậy mà chủ nợ cũng rất hảo tâm với nó, luôn sẵn sàng cho nó vay bất kỳ lúc nào và cũng luôn nhận được những món hời khi được nó trả.

Tại sao lại có hiện tượng không tuân thủ các định luật bảo toàn về Tương tác và Năng lượng? Đó chính là vì nó đã nhờ vào sự kế thừa của Năng lượng đã vay để biến hoá và tạo thêm một Năng lượng dự phòng nữa theo ‘qui trình’ dưới đây:

$$E = 0$$

$$\Rightarrow E = E_p + E_N$$

Trong đó, E là Năng lượng ban đầu của Vũ trụ, E_p là Năng lượng vay của Vũ trụ và E_N là Năng lượng trả của Vũ trụ.

Thế nhưng, sau khi kết thúc Chu trình, Vũ trụ không thể tách riêng phần đã vay mà ‘trả’ luôn toàn bộ Năng lượng vì bản thân tổng các giá trị trung bình của nó luôn bằng Không nhưng do sự Lệch Phase của Năng lượng: Năng lượng vay ở nửa chu kỳ đầu, Năng lượng trả ở nửa chu kỳ sau.

Thay vào đó, Giá trị Năng lượng ‘hiệu dụng’ mà Vũ trụ có được nếu cho rằng hàm Năng lượng là một hàm sin thì nó tương ứng với $E_p \cdot 2^{1/2}$.

Tuy nhiên, hệ thức ‘hiệu dụng’ này không đúng lắm cho trường hợp của Vũ trụ và Tự nhiên mà phải được thực hiện bởi hệ thức dưới đây:

$$E = |E_p| + |E_N| = 2E_p$$

Sở dĩ có điều này là do sự Lệch Phase giữa Năng lượng vay và Năng lượng tự vay nên đã làm cho tổng Năng lượng mà Vũ trụ có được nhờ sự tích lũy của hai Giá trị Năng lượng nói trên đã làm cho nó tăng lên gấp đôi so với lúc nó vay được ban đầu.

Hoặc, cũng hoàn toàn tương tự:

$$E \neq 0$$

$$\Rightarrow E = \text{Over}E + \text{Minus}E$$

Xét về Tổng các Giá trị Tuyệt đối thì vì chúng luôn đối lập nhau nên chúng luôn triệt tiêu nhau mà làm cho Giá trị ban đầu luôn được giữ nguyên.

Nhưng xét về Tổng các Giá trị Tương đối là các Giá trị luôn tồn tại hiện hữu thì chúng luôn lớn hơn Giá trị ban đầu như dưới đây:

$$U_R = |\text{Over}U| + |\text{Minus}U|$$

Nhờ vậy, Năng lượng của Vũ trụ có được lớn gấp đôi lượng vay ban đầu: Sau chu trình kết thúc thì nó sẽ trả lại cho ‘nguồn Năng lượng’ đã cho nó vay toàn bộ Năng lượng mà nó thu được nói trên.

Tiếp đến chu kỳ thứ hai, vì đã tồn tại một Năng lượng lớn gấp hai so với lượng ban đầu (đã được trả cho ‘nguồn Năng lượng’) cho nên nó sẽ vay lại toàn bộ Năng lượng đó để tiếp tục chu trình sau đó... cứ như vậy, Năng lượng của Vũ trụ liên tục tăng gấp đôi sau mỗi Chu kỳ Vận động.

▪ **Hiệu ứng Thặng dư**

Như trên đã trình bày, sau mỗi Chu kỳ Vận động – Chuyển động của Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội. Ngoài lượng Năng lượng vay ban đầu thì nó cũng luôn tạo ra được một Lượng Thặng dư về Năng lượng đúng bằng lượng mà nó vay ban đầu. Đúng là một kiểu ‘làm ăn rất có lãi’!

Cũng nhờ vào đó, Hiệu ứng Thặng dư được tạo ra do quá trình tích lũy Năng lượng cũng như mọi Giá trị khác có thể có nói chung của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội...

▪ **Hiệu ứng Mở rộng**

Dựa vào các Giá trị Thặng dư, hoàn toàn có thể chứng minh được rằng mọi Giá trị có thể có của Vũ trụ đều tạo ra Thặng dư sau mỗi Chu trình khép kín của nó: Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung luôn thừa cơ hội cho sự phát triển mở rộng của nó để có thể phá vỡ những Nguyên tắc Khép kín

ban đầu làm cho Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn phát triển không ngừng và ngày càng trở nên đa dạng phong phú.

Càng đa dạng và phong phú chừng nào thì sự biến thái của nó cũng càng phức tạp và tinh vi chừng đó: Các Thế hệ Tiến hoá của Vũ trụ sẽ càng ngày càng trở nên khác xa với các Thế hệ ban đầu và sẽ gây nên sự đối kháng mạnh giữa các Thế hệ với nhau.

Nguyên cơ bài trừ (phủ định, diễn thế) giữa các Thế hệ sẽ xảy ra ngày càng ‘gay gắt’ để buộc Vũ trụ phải loại bỏ bớt các Thế hệ tiền nhiệm nhằm giảm bớt những đối kháng mà Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội không thể dung hoà. Vì thế đã hình thành nên Hiệu ứng Diễn thế như dưới đây:

▪ **Hiệu ứng Diễn thế**

Nguyên lý Lượng tử hoá cho rằng, Chuỗi Lượng tử Vô hạn có thể được tạo ra với mọi Giá trị tuân thủ theo hệ thức dưới đây:

$$Q_n = Q_0 \cdot 2^n$$

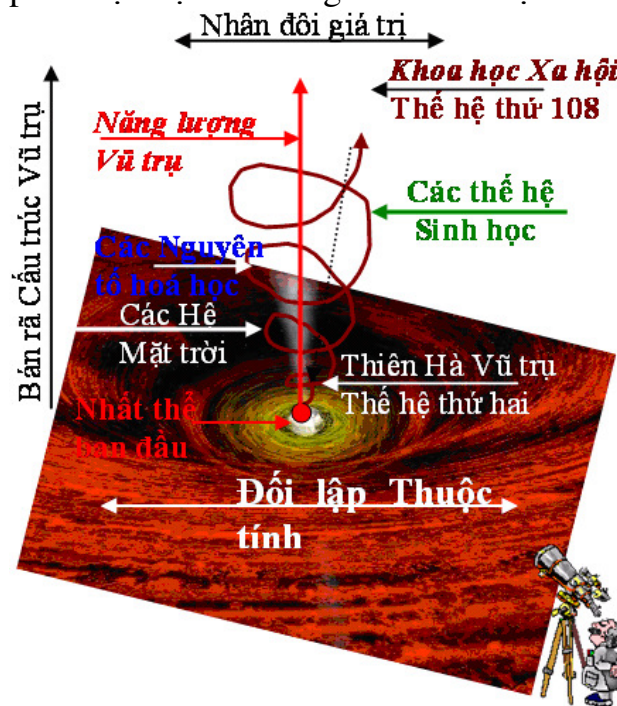
Thế nhưng, không phải là bất kỳ một giá trị nào của Q cũng có thể được Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội chấp nhận mà nó phải được xác định bởi một số mức nhất định sao cho có thể thoả mãn nhiều điều kiện cân bằng khác của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung...

Vì thế, trong Thế giới Hạt Vật lý, cho đến nay Vật lý Hiện đại đã có thể ‘điểm mặt – chỉ tên’ của trên trăm loại Hạt khác nhau. Nhưng không phải loại Hạt nào cũng có thể tồn tại bền vững mà chỉ có một số loại Cơ bản mới được ‘chấp nhận’ cho sự tồn tại của nó trong Vũ trụ và Tự nhiên mà thôi.

Bên cạnh đó, sự phát triển không ngừng của Vũ trụ và Tự nhiên nói chung đã tạo ra những biến thái về điều kiện cân bằng nên các Thiên thể già cỗi (các Thiên Hà già cỗi) cũng như nhiều giống loài Cổ đại đang ngày một bị loại trừ dần khỏi Vũ trụ và Thế giới của Tự nhiên...

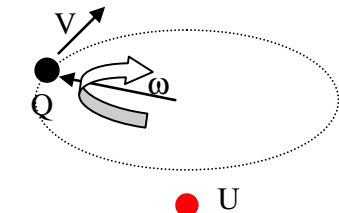
Đó chính là các Quá trình Diễn thế của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội.

Quá trình Diễn thế của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội lại càng làm cho Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội ngày càng phát triển ra xa dần so với



những Giá trị qui định rất hạn hẹp ban đầu của nó. Mô hình trên mô tả Quá trình Diễn thế và Mở rộng của Vũ trụ cũng như Tự nhiên và Xã hội tạo nên một Chu trình Phát triển Xoắn ốc càng ngày càng trở nên rộng hơn và các Thế hệ ban đầu sẽ dần dần bị loại trừ theo xu thế tất yếu của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung.

▪ **Hiệu ứng Thăng giáng**



Nhờ Quỹ đạo chuyển động không đều mà Năng lượng được tích lũy liên tục

Cũng từ Nguyên lý ‘Vay – Trả’ mà nó sinh ra Hiệu ứng Thăng giáng để tạo ra các Thế hệ Kế thừa cho các Quá trình Hình thành và Phát triển: Vũ trụ không thể tự nó phát triển trên chính nó mà phải nhờ vào sự Vay mượn để tạo ra sự hỗ trợ.

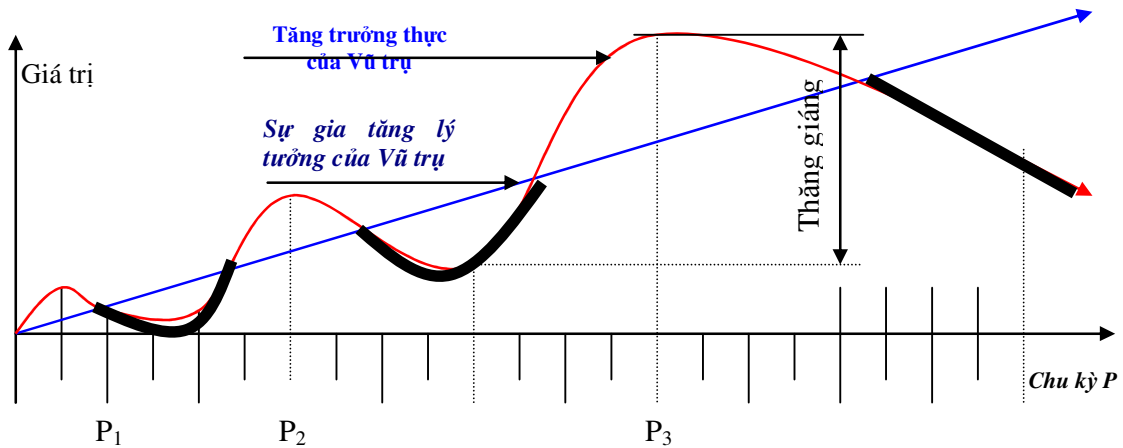
Tương tự, một Quốc gia bất kỳ, muốn có cơ hội phát triển thuận lợi thì cũng đều phải thực hiện luật chơi này.

Hệ thức Kế thừa được trình bày ở trên được nhắc lại như dưới đây:

$$U = OverU + MinusU$$

Hệ thức này khẳng định chắc chắn rằng Vũ trụ không thể tự nó để phát triển theo hệ thức dưới đây:

$$U = U + U = ?$$



Vì lý do đó, MinusU ứng với lượng được vay và OverU ứng với lượng được kế thừa bởi U ban đầu và lượng được vay. Theo đồ thị trên, lượng Vay ứng với các khoảng dưới của đồ thị (được in đậm), lượng kế thừa ứng với các khoảng phía trên đồ thị.

Chính vì, vậy mỗi một Chu kỳ Tiến hoá của Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội luôn được khởi đầu sau những quá trình suy thoái (để tạo khoản Vay) trầm trọng của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung...